

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2020/HNGĐ-ST

Ngày 13 - 5 - 2020

“Về việc ly hôn, con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mâm

Ông Võ Tấn Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh V - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020. Về việc “Ly hôn, con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Ngh, sinh năm 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Tân Trung, xã Tân Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Lê Văn V, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tân Trung, xã Tân Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 10/02/2020 và các lời khai của nguyên đơn chị Bùi Thị Ngh trình bày:

Về hôn nhân: Chị Ngh và anh V kết hôn ngày 15/10/2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau. Chị Ngh và anh V sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2019 thì vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp nhau thường bất đồng quan điểm. Chị Ngh và anh V ly thân từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay. Chị Ngh xét thấy vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên chị Ngh yêu cầu xin ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị Ngh trình bày vợ chồng chung sống có 03 con chung tên là Lê V Thương, sinh ngày 02/9/2009; Lê Văn Khôi, sinh ngày 21/11/2011 và Lê Hoàng Tin, sinh ngày 30/01/2014. Hiện nay cháu Thương và Khôi đang sống chung với anh V. Cháu Tin đang sống chung với chị Ngh. Sau khi ly hôn cháu Thương và Khôi có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng. Chị Ngh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Tin, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Ngh trình bày vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị Ngh trình bày vợ chồng không nợ thu nên không yêu cầu nên không xem xét.

Đối với anh Lê Văn V, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo cho anh V biết về nội dung yêu cầu tại đơn khởi kiện ngày 10/02/2020 nhưng anh V không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập hợp lệ anh V để tham gia phiên hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh V không đến và cũng không có văn bản gì gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị Ngh. Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai anh V vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh V theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Lê Văn V có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của chị Bùi Thị Ngh khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Văn V và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, con chung” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngh và anh V kết hôn ngày 15/10/2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hưng, huyện C nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, chị Ngh và anh V không còn chung sống với nhau từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay. Đối với anh V, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hòa giải và triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng anh V vắng mặt không lý do, đồng thời anh V cũng

không có văn bản về ý kiến của mình gửi đến Tòa án chứng tỏ anh V đồng ý với yêu cầu của chị Ngh. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Ngh và anh V đã ly thân từ tháng 11 năm 2019 đến nay tuy thời gian không dài, nhưng mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Bùi Thị Ngh được ly hôn với anh Lê Văn V là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Ngh trình bày vợ chồng chung sống có 03 con chung tên là Lê V Thương, sinh ngày 02/9/2009; Lê Văn Khôi, sinh ngày 21/11/2011 và Lê Hoàng Tin, sinh ngày 30/01/2014. Hiện nay cháu Thương và Khôi đang sống chung với anh V. Cháu Tin đang sống chung với chị Ngh. Sau khi ly hôn cháu Thương và Khôi có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng. Chị Ngh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Tin, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 28/4/2020 của Tòa án thì nguyện vọng của cháu Thương và Khôi được sống với anh V. Do đó, giao cho anh V nuôi cháu Thương và Khôi phù hợp. Tiếp tục giao cháu Lê Hoàng Tin, sinh ngày 30/01/2014 cho chị Ngh nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Ngh và anh V không đặt ra nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Ngh trình bày vợ chồng không có tài sản chung, anh V không ý kiến gì nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Ngh trình bày vợ chồng không có không nợ chung, anh V không ý kiến gì nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Ngh phải chầu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 243, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 09, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Bùi Thị Ngh được ly hôn với anh Lê Văn V.
- Về con chung: Anh Lê Văn V tiếp tục nuôi 02 cháu Lê V Thương, sinh ngày 02/9/2009 và Lê Văn Khôi, sinh ngày 21/11/2011.

Chị Bùi Thị Ngh tiếp tục nuôi Lê Hoàng Tin, sinh ngày 30/01/2014. Anh V không cấp dưỡng nuôi con. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Ngh phải chịu án phí số tiền là 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng), chị Ngh có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005120 ngày 10/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được chuyển thu. Anh V không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị Ngh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh V được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- CC THA huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Hưng;
- Lưu HS-VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính